

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 26/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 1

- **Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trung tá Đặng Thanh Hùng.

Các Hội thẩm quân nhân:

Thiếu tá Nguyễn Tiến Phong;

Thượng úy Nguyễn Tiến Dương;

- **Thư ký phiên tòa:** Thượng úy Nguyễn Hữu Đức, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 1.

- **Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 11 tham gia phiên tòa:** Trung úy Cung Thị Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn V, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1990 tại phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Khu phố P, phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; số định danh cá nhân: 027090013602; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Thiếu tá Q, nhân viên phục vụ, Ban chỉ huy quân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H (chết năm 2004) và bà Mai Thị T; có vợ là Đặng Thanh M và 02 con (con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/6/2024 đến ngày 05/6/2024, tạm giam từ ngày 05/6/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu A; có mặt.

2. Nguyễn Viết A, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1990 tại xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; số định danh cá nhân: 027090001787; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết Đ và bà Ngô Thị P; có vợ là Hà Thị T1 (đã ly hôn năm 2022) và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt,

tạm giữ từ ngày 02/6/2024 đến ngày 05/6/2024, tạm giam từ ngày 05/6/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu A; có mặt.

3. Nguyễn Văn C, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990 tại xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; số định danh cá nhân: 027090009885; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T2; có vợ là Trần Thị Tố N1 (đã ly hôn năm 2019) và 01 con (sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hay bị xử lý kỷ luật lần nào; bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/6/2024 đến ngày 05/6/2024, tạm giam từ ngày 05/6/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Quân khu A; có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Nguyễn Xuân T3; vắng mặt;
2. Lê Trọng N2; vắng mặt;
3. Đinh Đức N3; vắng mặt;
4. Nguyễn Văn C1; vắng mặt;
5. Hà Thị V1; vắng mặt;
6. Lê Thị Vân A1; vắng mặt;
7. Phạm Thị B; vắng mặt;
8. Triệu Thị L; vắng mặt;
9. Hà Thị N4; vắng mặt;
10. Khương Chí D; vắng mặt;
11. Nguyễn Văn N; có mặt;
12. Lê Thị T2; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của người làm chứng là người dưới 18 tuổi*

1. Đại diện hợp pháp của người làm chứng Triệu Thị L: Bà Đặng Thị T4; vắng mặt;
2. Đại diện hợp pháp của người làm chứng Hà Thị N4: Bà Hoàng Thị C2; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 01/6/2024 bị cáo Trịnh Văn V mời 05 người gồm: Bị cáo Nguyễn Viết A và Nguyễn Xuân T3, Lê Trọng N2, Đinh Đức N3, Nguyễn Văn C1 đi hát karaoke tại quán T của gia đình bị cáo Nguyễn Văn C ở thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Đến nơi cả nhóm được bị cáo C đưa lên phòng Vip 1 và gọi 05 nhân viên đến phục vụ. Khi đang hát bị cáo A nảy sinh ý định sử dụng ma túy

nên nói với bị cáo V mua ma túy cho mọi người trong phòng sử dụng. Các bị cáo V, A và C cùng trao đổi thống nhất mua 10 viên ma túy kẹo, thống nhất xong bị cáo V dùng điện thoại chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bị cáo C số tiền 3.500.000 đồng để mua ma túy. Sau khi nhận được tiền bị cáo C gọi điện tới số 0389871932 của Lê Văn Trọng C3 để hỏi mua ma túy, C3 đồng ý. Bị cáo C chuyển khoản cho C3 1.500.000 đồng, khi có người mang ma túy đến bị cáo C bảo bị cáo A xuống lấy và chuyển khoản tiếp cho C3 2.000.000 đồng. Bị cáo A xuống đứng đợi thì có hai thanh niên đeo khẩu trang đi xe ô tô đến, người ngồi bên cạnh ghế lái kéo cửa kính xuống đưa cho bị cáo A 10 viên ma túy đựng trong túi nilon rồi rời đi. Bị cáo A cầm ma túy mang lên phòng tự sử dụng 01 viên, chia cho các bị cáo V, C mỗi người 01 viên, sau đó bẻ ma túy thành nhiều mảnh cho vào cốc côca đi mời những người trong phòng sử dụng. Bị cáo V cầm viên ma túy thả xuống nền nhà (không sử dụng), khi bị cáo A mang cốc côca đã pha ma túy đến mời thì bị cáo V có uống một ngụm rồi đưa lại cho bị cáo A. Bị cáo C lấy tờ tiền 5.000 đồng cho viên ma túy vào gói lại, dùng chai nước nghiền nhỏ cho vào cốc côca uống và bỏ tờ tiền 5.000 đồng trên ghế. Số ma túy còn lại bị cáo A để trên bàn trong phòng cho mọi người cùng sử dụng. Khoảng 23 giờ 30 phút, Khương Chí D mang chìa khóa xe máy trả bị cáo A rồi giao lưu cùng mọi người trong phòng Vip 1. Đến khoảng 01 giờ 20 phút ngày 02/6/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt giữ các đối tượng và thu giữ niêm phong vật chứng gồm: 02 túi nilon màu trắng, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng đều chứa mảnh viên nén màu xám; 03 chiếc điện thoại di động (ĐTDD) của các bị cáo V, A và C; 01 đầu ghi camera của quán hát.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Văn V khai: Khi đang hát tại phòng Vip 1 quán T5 được khoảng 20 phút thì A gọi bị cáo ra ngoài hành lang bảo “hôm nay ngày vui của bạn, mua chút kẹo, ke về anh em cùng chơi” bị cáo hiểu kẹo, ke là ma túy. Bị cáo trả lời “trong này có người chơi, người không chơi, thôi cứ để từ từ rồi tính” xong bị cáo vào phòng hát tiếp. Một lúc sau, A tiếp tục gọi bị cáo ra ngoài, lúc này C đứng ở đó, A nói “thôi mua mấy viên kẹo (ma túy) về để mấy anh em cùng sử dụng” bị cáo đồng ý và bảo An hết bao nhiêu bị cáo gửi. Bị cáo và A, C thống nhất mua 10 viên ma túy về cùng sử dụng, bị cáo dùng điện thoại chuyển khoản 3.500.000 đồng cho C để mua ma túy sau đó bị cáo vào phòng hát tiếp, 20 phút sau A đưa cho bị cáo 01 viên ma túy, bị cáo cầm một lúc rồi ném đi, một lúc sau A cầm 1 cốc côca có ma túy mời bị cáo uống, A tiếp tục mời những người khác trong phòng hát uống. Số ma túy còn lại bị cáo không biết A để ở đâu, nhưng sẽ sử dụng hết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Viết A khai: Tối ngày 01/6/2024 khi đang hát tại quán T5 ý định sử dụng ma túy nên gọi V ra ngoài bảo mua ma túy kẹo về cho mọi người sử dụng, ban đầu V chưa đồng ý, sau bị cáo nói lại thì V đồng ý. Bị cáo gọi điện cho C hỏi “anh có lấy được ma túy không”, C đáp “chờ một chút có gì anh báo lại”, khoảng 05 phút sau C gọi báo là lấy được. Bị cáo và V ra cửa phòng gặp C, V bảo “lấy hộ tôi 10 viên ma túy kẹo”, rồi V chuyển khoản cho C 3.500.000 đồng, bị cáo và V vào phòng hát. Được 30 phút C gọi bị cáo bảo xuống tầng 1 lấy ma túy. Bị cáo xuống đợi khoảng 05 phút có một chiếc ô tô 5 chỗ màu đen đi đến người ngồi ghế bên phải phía trước hạ kính đưa cho bị cáo 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa

ma túy. Cả hai đều đeo khẩu trang, đội mũ đen và không nói gì. Bị cáo mang ma túy lên phòng Vip 1, bị cáo sử dụng 01 viên, đưa cho V 01 viên, 05 phút sau C vào thì bị cáo đưa cho C 01 viên. Bị cáo lấy vài viên ma túy, không nhớ rõ số lượng bỏ vào cốc đồ côca vào mang đi mời mọi người trong phòng hát cùng uống, số ma túy còn lại bị cáo để trên bàn và sẽ sử dụng hết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C khai: Tối ngày 01/6/2024 nhóm của A và V đến hát tại phòng Vip 1 tầng 3 của gia đình bị cáo, lúc sau A có gọi điện hỏi bị cáo tìm mua ma túy để mọi người sử dụng, bị cáo và A có nhắn tin trao đổi về việc mua ma túy. Khi bị cáo vào phòng hát Vip 1 để giao lưu thì V và A gọi bị cáo ra ngoài, A hỏi bị cáo có lấy được “keo” không? Nếu lấy được thì lấy cho A 10 viên, V trả tiền, sau đó bị cáo gọi điện cho Lê Văn Trọng C3 hỏi mua ma túy và C3 bảo chuyển tiền 3.500.000 đồng. Bị cáo báo lại với A và V, sau khi V chuyển tiền vào tài khoản cho bị cáo, bị cáo chuyển khoản cho C3 là 1.500.000 đồng và nói với C3 bao giờ mang ma túy đến thì chuyển nốt 2.000.000 đồng. Khoảng 20 phút sau C3 gọi báo “em mang ma túy đến rồi, anh chuyển nốt cho em tiền”. Sau đó bị cáo chuyển 2.000.000 đồng cho C3 và bảo An xuống lấy ma túy. Khi bị cáo lên phòng V2, A đưa cho 01 viên ma túy kẹo, bị cáo tự sử dụng bằng cách lấy tờ 5.000 đồng để viên ma túy lên rồi lấy chai nước nghiền ma túy cho vào cốc côca tự uống, tờ 5.000 đồng đó bị cáo để trên ghế.

Trong quá trình điều tra những người làm chứng Nguyễn Xuân T3, Lê Trọng N2; Đinh Đức N3, Nguyễn Văn C1 và Khương Chí D khai: Tối ngày 01/6/2024 V mời cả nhóm đi đến quán T5 ở V, T, T, Bắc Ninh hát karaoke (D đến sau) tại đây chúng tôi uống bia gọi 05 nhân viên lên phục vụ. Sau đó bị cáo A mời chúng tôi dùng ma túy, chúng tôi không tham gia bàn bạc, thông nhất gì với các bị cáo, không thấy ai ngoài bị cáo A đưa ma túy cho mọi người sử dụng.

Trong quá trình điều tra người làm chứng Lê Thị Vân A1; Phạm Thị B; Hà Thị V1; Triệu Thị L; Hà Thị N4 khai: Đêm ngày 01/6/2024 tại phòng V2 quán T5, chúng tôi chỉ thấy bị cáo A cầm cốc côca có pha ma túy đi mời mọi người trong phòng hát uống. Chúng tôi không tham gia, bàn bạc thông nhất gì với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa người làm chứng Nguyễn Văn N, Lê Thị T2 khai: Khoảng 22 giờ ngày 01/6/2024 có khoảng 6 đến 7 người đến quán nhà chúng tôi hát và gọi 5 nhân viên đến phục vụ, C là con trai chúng tôi dẫn khách lên phòng Vip 1 tầng 3, sau đó chúng tôi đi nghỉ đến khi công an vào lập biên bản do khách hát tại phòng Vip 1 sử dụng ma túy tôi mới biết sự việc. Cơ sở kinh doanh do nhà tôi quản lý không cho phép khách hàng sử dụng ma túy, chúng tôi không biết khách tại phòng Vip 1 sử dụng ma túy và cũng không biết nguồn gốc số ma túy đó từ đâu;

Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 01 giờ 40 phút ngày 02/6/2024 tại quán T5 thuộc thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B bắt quả tang tại phòng Vip 1 có các đối tượng Trịnh Văn V, Nguyễn Viết A, Nguyễn Văn C về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ niêm phong vào phong bì thư theo đúng quy định gồm: Trên mặt bàn trong

phòng V2 02 túi nilon màu trắng, bên trong đều có chứa mảnh viên nén màu xám (nghỉ là ma túy, ký hiệu Vip 1 A); trên mặt ghế trong phòng Vip 1 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng bên trên tờ tiền có mảnh viên nén màu xám (nghỉ là ma túy, ký hiệu Vip 1 B).

Biên bản, sơ đồ, bản ảnh khám nghiệm hiện trường vụ “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” xảy ra ngày 02/6/2024 lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 04/6/2024 của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 4 Quân khu A xác định tại phòng V2, tầng 3 quán T5 thuộc thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Kết luận giám định số 1352/KL-KTHS ngày 04/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh B xác định: Các viên nén màu xám trong phong bì thư ký hiệu Vip 1 A gửi giám định có khối lượng 0,3210 gam là ma túy loại MDMA. Các viên nén màu xám bên trong phong bì thư ký hiệu Vip 1 B gửi giám định có khối lượng 0,0208 gam là ma túy loại MDMA.

Biên bản kiểm tra nước tiểu ngày 02/6/2024 xác định nồng độ ma túy của 11 người gồm: Trịnh Văn V, Nguyễn Viết A, Nguyễn Văn C, Hà Thị V1, Lê Thị Vân A1, Triệu Thị L, Hà Thị N4, Lê Trọng N2, Khương Chí D, Đinh Đức N3 và Nguyễn Văn C1 đều dương tính với ma túy MDMA.

Kết quả sao kê chi tiết giao dịch từ tài khoản ngân hàng TMCP V3 số 107875449159 của Trịnh Văn V có giao dịch chuyển khoản số tiền 3.500.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng TMCP Q1 số 12323666888999 của Nguyễn Văn C.

Kết quả sao kê chi tiết giao dịch từ tài khoản ngân hàng TMCP Q1 số 12323666888999 của Nguyễn Văn C có giao dịch chuyển khoản 02 lần đến số tài khoản ngân hàng TMCP Á số 17102881 mang tên Lê Văn Trọng C3 vào ngày 01/6/2024 số tiền 1.500.000 đồng và 2.000.000 đồng.

Giấy khai sinh, lý lịch cá nhân xác định Triệu Thị L sinh năm 2009; Hà Thị N4 sinh năm 2007.

Công văn số 20 ngày 07/8/2024 của Công an xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh xác nhận ngày 15/5/2024 Nguyễn Văn C cung cấp thông tin về đối tượng Hoàng Thế H1 có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng của UBND phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công liệt sĩ Trịnh Văn H là bố đẻ của bị cáo V.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSQSKV11 ngày 21/01/2025 Viện kiểm sát quân sự khu vực 11 truy tố các bị cáo Nguyễn Viết A, Nguyễn Văn C, Trịnh Văn V về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như cáo trạng.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V, Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, khoản 1 Điều 51, khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Viết A từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, v, x, khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Văn V từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) tiêu hủy: 0,1846 gam ma túy MDMA trong phong bì có ký hiệu “A1”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy: 01 sim số 0973098866 trong ĐTDĐ Iphone 12 Promax của Nguyễn Viết A; 01 sim số 0989844280 trong ĐTDĐ Iphone XS max của Trịnh Văn V; 01 sim số 0972909205 trong ĐTDĐ Iphone 15 Plus của Nguyễn Văn C.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng trong phong bì có ký hiệu “A2”; 01 ĐTDĐ Iphone 12 Promax của Nguyễn Viết A; 01 ĐTDĐ Iphone XS max của Trịnh Văn V; 01 ĐTDĐ Iphone 15 Plus của Nguyễn Văn C.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Viết A, Nguyễn Văn C, Trịnh Văn V nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B; Cơ quan điều tra hình sự khu vực 4 Quân khu A; Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 11; Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Do muốn đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể mình và cơ thể người khác nên khoảng hơn 22 giờ ngày 01/6/2024 các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V, Nguyễn Văn C trao đổi, bàn bạc thống nhất mua 10 viên ma túy để tổ chức sử dụng cùng 08 người khác trong phòng hát Vip 1, tầng 3 quán T5 tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Trong những người sử dụng ma túy có Triệu Thị L sinh năm 2009 và Hà Thị N4 sinh năm 2007 là người từ đủ 13 đến dưới 18 tuổi. Do đó hành vi của các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V, Nguyễn Văn C đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V và Nguyễn Văn C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Trịnh Văn V quá trình công tác được Chủ tịch nước tặng danh hiệu Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; được đơn vị tặng nhiều giấy khen và có bố đẻ Trịnh Văn H là liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong học tập và công tác”; “Người phạm tội là con của liệt sĩ” quy định tại các điểm v, x khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo V bị bệnh mãn tính, là lao động chính trong gia đình, có công văn xin giảm nhẹ hình phạt của đơn vị đây là tình tiết xem xét khi lượng hình.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã tiến hành xác minh bị cáo Nguyễn Văn C ngày 15/5/2024 đã cung cấp thông tin giúp Công an xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh bắt quả tang đối tượng có hành vi phạm tội về ma túy nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ THNS “có thành tích đấu tranh phòng chống tội phạm” quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Viết A hiện đang nuôi hai con nhỏ, con lớn bị khuyết tật nặng; có bố đẻ được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển công nghiệp Việt Nam; có nhiều đóng góp cho S. Có ông nội Nguyễn Viết N5 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Chính phủ tặng danh hiệu Huy chương chiến thắng

hạng nhất; được Sở C4 tặng Giấy khen; bà ngoại là Hà Thị N6 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì đây là tình tiết để HĐXX cân nhắc khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành cùng bàn bạc thống nhất mua ma túy về cho bản thân và người khác sử dụng, trong đó bị cáo Nguyễn Việt A là người khởi xướng và là người thực hành tích cực nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Trịnh Văn V là người bỏ tiền mua ma túy, bị cáo C liên hệ mua ma túy, cả hai đều là người thực hành nên cùng chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo A.

Do bị cáo Trịnh Văn V có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS hơn bị cáo A và C; được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và đang thờ cúng liệt sĩ; nuôi dưỡng, chăm sóc vợ liệt sĩ; trước khi phạm tội có nhân thân tốt, đơn vị xin giảm nhẹ hình phạt nên HĐXX xét thấy có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe con người là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 255 BLHS quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung, tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều cho thấy các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tù, không có điều kiện lao động, công tác tạo ra thu nhập, phải nuôi con nhỏ, gia đình hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với 0,3418 gam là loại ma túy MDMA thu giữ tại phòng Vip 1, tầng 3 quán T5 quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo khẳng định tiếp tục sử dụng tiếp nếu không bị bắt quả tang nên không xử lý các bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

[6] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tiêu huỷ: 0,1846 gam viên ma túy nén màu xám còn lại sau giám định bên trong phong bì có ký hiệu "A1" là công cụ phương tiện, vật cấm tàng trữ lưu hành các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy: 01 thẻ sim số 0973098866 lắp trong ĐTDĐ Iphone 12 Promax của Nguyễn Viết A, 01 thẻ sim số 0989844280 lắp trong ĐTDĐ Iphone XS max của Trịnh Văn V, 01 thẻ sim số 0972909205 lắp trong ĐTDĐ Iphone 15 Plus của Nguyễn Văn C mà các bị cáo dùng để liên lạc, nhắn tin trao đổi, mua ma túy về sử dụng trái phép đây công cụ phương tiện, vật không có giá trị các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 ĐTDĐ Iphone 12 Promax màu xanh đã qua sử dụng có số IMEI1: 359871971877510, số IMEI2: 359871971952172 của Nguyễn Viết A; 01 ĐTDĐ Iphone XS max màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI1: 357278097506472, số IMEI2: 357278097717962 của Trịnh Văn V; 01 ĐTDĐ Iphone 15 Plus màu xanh đã qua sử dụng có số IMEI1: 358577780270372, số IMEI2: 358577780394107 của Nguyễn Văn C; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng trong phong bì có ký hiệu "A2" của Nguyễn Văn C là công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Các vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B lập hồi 01 giờ 40 phút ngày 02/6/2024; Biên bản giao, nhận lại đối tượng giám định lập hồi 17 giờ 15 phút ngày 04/6/2024 tại phòng K, Công an tỉnh B và Biên bản giao, nhận vật chứng lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 22/01/2025 giữa Cơ quan điều tra hình sự khu vực 4 Quân khu 1 với Phòng Thi hành án Quân khu 1.

Ghi nhận ngày 17/10/2024 Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 4 Quân khu A đã trả lại cho ông Nguyễn Văn N 01 đầu ghi camera màu đen, nhãn hiệu Dahua, mặt sau có ghi S/N: 7M09BF6PAZ9B404 do ông N không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Đối với hành vi của những người làm chứng có mặt tại phòng V2, tầng 3 quán T5. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người làm chứng không tham gia bàn bạc, trao đổi; không chuẩn bị hoặc tìm người sử dụng chất ma túy, không có vai trò, giúp sức các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của 08 người làm chứng tham gia sử dụng ma túy gồm: Hà Thị V1, Lê Thị Vân A1, Triệu Thị L, Hà Thị N4, Lê Trọng N2, Khương Chí D, Đinh Đức N3 và Nguyễn Văn C1 đã được cơ quan điều tra đề nghị xử phạt vi phạm hành chính nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Văn N là chủ quán T5 và vợ là bà Lê Thị T2 không biết các đối tượng thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không cho phép sử dụng ma túy tại quán. Cơ quan điều tra đã đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn N về hành vi để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý, nên HĐXX không xem xét.

Đối với Lê Văn Trọng C3 người bán ma túy và 02 đối tượng đi xe ô tô đến giao ma túy, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra để làm rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, C3 vắng mặt tại địa phương, chưa xác

định được thông tin lai lịch của 02 đối tượng trên. Cơ quan điều tra đã chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan đến các đối tượng cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B để giải quyết theo quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V, Nguyễn Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Viết A 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/6/2024).

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/6/2024).

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, v, x khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Trịnh Văn V 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 02/6/2024).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tiêu huỷ: 0,1846 gam viên ma túy nén màu xám bên trong phong bì có ký hiệu "A1".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu huỷ: 01 (một) thẻ sim số 0973098866 lắp trong ĐTDĐ Iphone 12 Promax của Nguyễn Viết A, 01 (một) thẻ sim số 0989844280 lắp trong ĐTDĐ Iphone XS max của Trịnh Văn V, 01 (một) thẻ sim số 0972909205 lắp trong ĐTDĐ Iphone 15 Plus của Nguyễn Văn C.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) ĐTDĐ Iphone 12 Promax màu xanh của Nguyễn Viết A; 01 (một) ĐTDĐ Iphone XS max màu trắng của Trịnh Văn V; 01 (một) ĐTDĐ Iphone 15 Plus màu xanh của Nguyễn Văn C; 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 (năm nghìn) đồng trong phong bì có ký hiệu "A2" của Nguyễn Văn C.

Các vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B lập hồi 01 giờ 40 phút ngày 02/6/2024; Biên bản giao, nhận lại đối tượng giám định lập hồi 17 giờ 15 phút ngày 04/6/2024 tại phòng K, Công an tỉnh B và Biên bản giao, nhận vật chứng lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 22/01/2025 giữa Cơ quan điều tra hình sự khu vực 4 Quân khu 1 với Phòng Thi hành án Quân khu 1.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Nguyễn Viết A, Trịnh Văn V, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/3/2025) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Phòng TTLL và Quản lý LLTP/TAQSTW;
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV11;
- CQTHAHSQK1 (03b);
- PTHAQK1;
- CQĐTHSKV4-QK1;
- Trại TGQK1(03b);
- Các bị cáo (03b);
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; H18b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trung tá Đặng Thanh Hùng